CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 23/CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM – ASSET/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh ,Việt nam.

Điện thoại : (84-028) 3 7653284 – 3 7653285 – 37653286 Fax: (84-028) 37 653258 -54283458

Email : jojo@pham-asset.com

Mã số doanh nghiệp : 0302771009

Số Giấy chứng nhận FSSC 22000 : 38161412002, ngày cấp: 06/02/2024, nơi cấp: Intertek Certification Limited.

II. Thông tin về sản phẩm :

1. Tên sản phẩm : **SNACK CUA**
2. Thành phần : Bột mì, bột sắn, dầu cọ, gia vị cua 4%, bột cua 3%, đường, muối i-ốt, chất tạo xốp (500(ii)), chất nhũ hóa (322(i)).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm : 06 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì :

   - Bánh được đóng gói trong màng OPP/PE/MPET/CPP. Các gói bánh được đóng trong túi PE, PP.

   Khối lượng tịnh mỗi gói:1 g, 2 g, 3 g, 4 g, 5 g, 6 g, 7 g, 8 g, 9 g, 10 g, 11 g, 12 g, 13 g, 14 g, 15 g, 16 g, 18 g, 20 g, 22 g, 23 g, 24 g, 25 g, 26 g, 27 g, 28 g, 29 g, 30 g, 32 g, 34 g, 35 g, 36 g, 38 g, 40 g, 42 g, 44 g, 45 g, 48 g, 50 g, 52 g, 55 g, 58 g, 60 g, 62 g, 65 g, 68 g, 70 g, 72 g, 75 g, 77 g, 80 g, 83 g, 85 g, 90 g, 95 g, 100 g, 120 g, 400 g và theo yêu cầu của khách hàng.

   - Các túi bánh được đóng vào thùng carton 2, 3, 4 lớp hoặc đóng trong túi PE, PP.

   - Nắp thùng và đáy thùng hoặc túi PE, PP có dán băng keo kín, đảm bảo trong quá trình vận chuyển, bảo quản không bong rách.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

a.Tên tổ chức : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-028) 37653284–37653285–37653286 Fax: (84-028) 37653258-54283458

(Mã trên bao bì : A, in ở mặt sau bao bì và liền kề NSX)

b. Tên tổ chức : Công Ty TNHH Một thành viên Phạm – Asset Tây Nguyên.

Địa chỉ : Số nhà 47, Trục lộ 4, Buôn Ky, P. Thành nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại : (84-262)3 551888
(Mã trên bao bì : B, in ở mặt sau bao bì và liền kề NSX)

c. Tên tổ chức : Công Ty TNHH Một thành viên Phạm – Asset Đà nẵng.
Địa chỉ : Cụm Công Nghiệp Trảng Nhật 2, Xã Điện Hòa, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
Điện thoại : (84) 938500582
(Mã trên bao bì : C, in ở mặt sau bao bì và liền kề NSX)

d. Tên tổ chức : Công Ty TNHH Phạm – Asset Hưng Yên.
Địa chỉ : Khu D, KCN Phố Nối A, Xã Lạc Hồng, Huyện Văn lâm, Tỉnh Hưng Yên.
Nhà máy sản xuất : Đường D1, KCN Yên Mỹ II, Trị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.
Điện thoại : (84-221) 6 272899
(Mã trên bao bì : D, in ở mặt sau bao bì và liền kề NSX)

III.Mẫu nhãn sản phẩm :

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo :.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, áp dụng cho ngũ cốc, lúa mì và gia vị
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn an toàn cho phép đối với ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (áp dụng cho snack và sản phẩm chế biến từ ngô)
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Nghị định chính phủ 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa

- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).

S.G.C.N: 412022000217 - L.D.N.NG
CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET
Q. BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH

Giám Đốc

Phạm Xuân Dũng

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (*)	
Thành phần dinh dưỡng	**Trên/ per 100g**
Năng lượng/ Energy	496 kcal
Chất đạm/ Protein	6,14 g
Carbohydrat/ Carbohydrate	63,2 g
Đường tổng số/ Total sugars	11,5 g
Tổng chất béo/ Total Fat	24,3 g
Chất béo bão hòa/ Saturated Fat	11,9 g
Hàm lượng Natri/ Sodium	751 mg
Xơ tiêu hóa/ Total dietary fiber	1,14 g
(*) Thông tin dinh dưỡng dao động ± 20% mức công bố	

Thành phần: Bột mì, bột sắn, dầu cọ, gia vị cua 4%, bột cua 3%, đường, muối i-ốt, chất tạo xốp (500(ii)), chất nhũ hóa (322(i)).

Hướng dẫn sử dụng:
Thưởng thức ngay sau khi mở gói, tiếp xúc lâu với không khí sẽ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.
Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời và nơi ẩm ướt.

Thông tin cảnh báo:
Không sử dụng khi sản phẩm hết hạn.

Ingredients: Wheat flour, tapioca starch, palm oil, crab seasoning 4%, crab powder 3%, sugar, salt, baking powder (500(ii)), emulsifier (322(i)).

Instruction for usage:
Consume soon after opening pack, long exposing to atmosphere will impact to the product's quality.

Instruction for storage:
Store in cool dry place
Avoid direct sunlight and humidity

Caution:
Don't consume after the expiration

NSX/MFG date:

HSD/EXP date:

Khối lượng tịnh/NW:

8 936006 341385

JOJO®
Snack
CUA

*Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm

Xuất xứ: Việt Nam.
Origin: Vietnam.

Sản phẩm của Công ty Liên Doanh Phạm - Asset.
Lô D4/1, Đường số 1B, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Product of Pham - Asset Joint Venture Company.
Lot D4/1, 1B Street, Vinh Loc Industrial Park, Binh Hung Hoa B Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Tel: (028) 37653286 - 37653285 - 37653284
Fax: (84.28) 54283458 - 37653258
Email: jojo@pham-asset.com
Website: www.pham-asset.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: POC2240700214-2

Tên khách hàng/ *Client's Name* : **CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET**

Địa chỉ/ *Client's Address* : Lô D4/1, Đường 1B, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received* : 04/07/2024

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 04/07/2024 - 10/07/2024

Ngày trả kết quả/ *Date of Issue* : 10/07/2024

Thông tin mẫu/ *Name of Sample* : **SNACK CUA**

Mô tả mẫu/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa

Bảng kết quả/ *Results Table* :

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Đạm (*) / Protein (*)	6.14	g/100g	TCVN 3705:1990
2	Độ ẩm (*) / Moisture (*)	3.18	%	TCVN 3700:1990
3	Béo tổng (*) / Total fat (*)	24.3	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
4	Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)	63.2	g/100g	AVA-KN-PP.HL/04
5	Xơ tiêu hóa (*) / Total dietary fiber (*)	1.14	%	TCVN 9050:2012
6	Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*)	496	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
7	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	751	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35)
8	Béo bão hòa (*) / Saturated Fat (*)	11.9	g/100g	AVA-KN-PP.SK/050 (Ref. ISO 11085:2015 & AOAC 996.06)
9	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	11.5	g/100g	AVA-KN-PP.HL/03
10	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	5.0×10^1	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
11	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
12	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0)	MPN/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: POC2240700214-2

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
13	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
14	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 980.31
15	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 975.55
16	Tổng số nấm men nấm mốc (*) / Yeasts and Molds (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
17	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
18	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
19	Deoxynivalenol (Vomitoxin) (*) / Deoxynivalenol (Vomitoxin) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/093 (Ref. EN 17194:2019)
20	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
21	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
22	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/092 (Ref. EN 17194:2019)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: POC2240700214-2

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
23	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/094 (Ref. TCVN 10640: 2014, EN 15850:2010)
24	Fumonisin tổng số (FB1. FB2) (*) / Sum of Fumonisin (FB1. FB2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.5)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/095 (Ref. TCVN 8162:2009, EN 1385:2001)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: POC2240700214-2

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (*NUTRITION FACTS*)			
Thành phần dinh dưỡng *Nutritional ingredients*	Trên 100 g *In 100 g*		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu *% Nutrient reference values*
Năng lượng *(Energy)*	**496**	**kcal**	**25%**
Chất đạm *(Protein)*	**6.14**	**g**	**12%**
Carbohydrate	**63.2**	**g**	**19%**
Đường tổng số *(Total Sugars)*	**11.5**	**g**	**-**
Chất béo *(Fat)*	**24.3**	**g**	**43%**
Chất béo bão hòa *(Saturated fat)*	**11.9**	**g**	**60%**
Natri *(Sodium)*	**751**	**mg**	**38%**

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).
Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg
% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).
Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Fat: 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692641 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH